TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2018/HNGĐ-ST
Ngày 31 - 5 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Thái Hoàng Đắc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Năm
Ông Nguyễn Việt Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Nga Muội – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Bùi Kim C –** sinh năm 1979 (có mặt)
Trú tại: ấp V, xã C, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Anh U– sinh năm 1981 (vắng mặt)
Trú tại: khóm 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19-3-2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Bùi Kim C trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2008 chị C và anh Utự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, không hợp nhau. Anh U thường tham gia cờ bạc, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Hai người đã ly thân hơn 02 năm nay. Gia đình hai bên có hòa giải, hàn gắn nhưng không thành. Tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn nên chị C yêu cầu ly hôn với anh U.

Về nuôi con chung: Chị C và anh U có 01 người con chung là Tô Ngọc Tr– sinh ngày 25-3-2009, đang sống với chị C. Khi ly hôn, chị C yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ chung: Không có.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh U đúng theo quy định pháp luật nhưng anh U không có văn bản thể hiện ý kiến gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Anh U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, không có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh U.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Bùi Kim C với anh U tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa anh chị được pháp luật công nhận là hợp pháp và được bảo vệ.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn theo chị C trình bày: Vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, không hợp nhau. Anh U thường tham gia cờ bạc, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Hai người đã ly thân hơn 02 năm nay. Về phía anh U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh U vẫn vắng mặt và không có gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình cho Tòa án. Điều đó cho thấy anh U không có thiện chí hàn gắn tình cảm cùng với chị C. Tại phiên tòa, chị C kiên quyết ly hôn với anh U. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh U không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Kim C được ly hôn với anh Tô Văn Út.

[3] *Về nuôi con chung*: Chị C và anh U có 01 người con chung là Tô Ngọc Tr– sinh ngày 25-3-2009, đang sống với chị C, chị C yêu cầu được nuôi con theo nguyện vọng của con. Tòa án đã làm việc, cháu Trâm có nguyện vọng sống với chị C khi cha mẹ ly hôn nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Trầm cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Anh U không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con, mặc dù chị C đã được Tòa án giải thích về việc cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, chị C xác định có đủ điều kiện để nuôi con, không yêu cầu anh U cấp dưỡng cho con. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Về chia tài sản và nợ chung*: Chị C xác định không có nên không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 143, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Kim C với anh U

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Tô Ngọc Tr– sinh ngày 25-3-2009 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu Trâm, không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Anh U không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản và nợ chung: Chị C xác định không có nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ngày 19-3-2018, chị C đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007933 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy đinh tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Phòng KT-NV và THA TAND tỉnh Cà Mau (Gửi email);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Hoàng Đắc